

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 382/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Luyến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Công Nhân;

2. Bà Tống Thị Kim Điền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 419/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 717A đường Đ, phường P, Quận F, Thành phố H. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Kim H, sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: Số 10/8A đường N, Khu phố 1, phường P, Quận F, Thành phố H; Địa chỉ tạm trú: Số 717A đường Đ, phường P, Quận F, Thành phố H. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:*

Bà và ông H qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận F, Thành phố H vào năm 2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì sau đó liên tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu chè, cờ bạc không quan tâm

đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, mâu thuẫn cãi vã kéo dài làm cho bà không còn tình cảm với ông H. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên ông H thay đổi từ bỏ rượu chè, cờ bạc lo cho gia đình vợ con nhưng ông H không thay đổi, bà đã nộp đơn ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn vào năm 2021 để mong ông H thay đổi và cho ông H cơ hội lần cuối để cứu vãn cuộc hôn nhân này nhưng đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục quan hệ hôn nhân cũng không mang đến hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Phạm Văn Kim H có 02 (Hai) con chung là Phạm Nguyễn Trung H1 (Giới tính: nam), sinh ngày 24/03/2007 và Phạm Nguyễn Trung Ng (Giới tính: nam), sinh ngày 31/03/2009.

Sau khi ly hôn bà Th đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không đề nghị ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Bà Th xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà Th xác nhận không có.

*Tại phiên tòa* nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa* ông Phạm Văn Kim H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

\* Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

\* Về nội dung:

- Bà Th và ông H kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận F là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Th và ông H sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rước chèn, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, mâu thuẫn kéo dài làm cho bà không còn tình cảm với ông H. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên ông H thay đổi từ bỏ rượu chè, cờ bạc lo cho gia đình vợ con nhưng ông H không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thể hiện sự bỏ mặc cuộc hôn nhân, không muốn níu kéo. Vì vậy, yêu cầu của bà Thúy được ly hôn với ông H là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, 02 trẻ hiện vẫn còn nhỏ, bà Th đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ, nhằm tạo điều kiện ổn định phát triển tâm lý và vật chất cho trẻ, phù hợp với nguyện vọng của 02 trẻ nên giao 02 con chung cho bà Th nuôi dưỡng, là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn Kim H và ông H đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Phạm Văn Kim H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[1.4] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Phạm Văn Kim H tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2006 đăng ký ngày 31/5/2006 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, Quận 7 có đủ cơ sở để xác định bà Th và ông H là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn Kim H của bà Nguyễn Thị Thanh Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phạm Văn Kim H không nộp bản tự khai, không

đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng gia đình, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bà Th. Năm 2021, bà Th từng nộp đơn khởi kiện ly hôn, sau đó bà Th rút đơn vì muốn cho ông H thêm cơ hội để vợ chồng tiếp tục chung sống, duy trì quan hệ hôn nhân; Nhưng sau một thời gian thì ông H vẫn không thay đổi, cuộc sống hôn nhân theo bà Th xác định ngày càng mệt mỏi, áp lực và không thể tiếp tục sống chung nên lần này bà quyết định ly hôn với ông H. Mặt khác, với những mâu thuẫn do bà Th trình bày thì quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông H không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông H cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung: bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Phạm Văn Kim H có 02 (Hai) con chung là Phạm Nguyễn Trung H1 (Giới tính: nam), sinh ngày 24/03/2007 và Phạm Nguyễn Trung Ng (Giới tính: Nam), sinh ngày 31/03/2009.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện hai con chung còn nhỏ, cả hai con chung đều mong muốn được tiếp tục sống với mẹ và hiện hai trẻ đang sống ổn định với bà Th; bà Th là người chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ từ nhỏ. Bà Th có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung và xét cần ổn định tâm lý cho hai trẻ nên giao hai con chung cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Phạm Nguyễn Trung H1 và Phạm Nguyễn Trung Ng cho bà Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng: tại đơn khởi kiện ly hôn bà Th yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Th không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Th về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Phạm Văn Kim H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 2 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Phạm Văn Kim H (Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2006, đăng ký ngày 31/5/2006 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận F, Thành phố H).

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Phạm Văn Kim H có 02 (Hai) con chung họ tên là Phạm Nguyễn Trung H1 (Giới tính: nam), sinh ngày 24/03/2007 và Phạm Nguyễn Trung Ng (Giới tính: nam), sinh ngày 31/03/2009. Giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh Th về việc không yêu cầu ông Phạm Văn Kim H cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông Phạm Văn Kim H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba

trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013643 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:**

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**4. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.**

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Luyến**